

Số: 3216 /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm
là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành
Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính
phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 31/10/2025 của Đại hội đại biểu
Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;*

*Căn cứ Chương trình số 01-CTr/TU ngày 31/10/2025 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh Phú Thọ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ
I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 06/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng
bộ tỉnh về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục
hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030;*

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7990/TTr-SNV ngày 08/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án đẩy mạnh cải cách hành
chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng
các sở, ban, ngành, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ
tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ
Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Báo và Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, TH3,5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3216 /QĐ-UBND ngày 23 /9/2026 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Giai đoạn 2021 - 2025, công tác cải cách hành chính của các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình trước hợp nhất và của tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, từng bước đổi mới phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn phát triển mới, nhất là trong điều kiện tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu đặt ra đối với nền hành chính của tỉnh không chỉ dừng ở việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo lộ trình chung mà cần có một Đề án mang tính tổng thể, đồng bộ, đủ tầm để dẫn dắt, điều phối và tạo chuyển biến rõ nét trên phạm vi toàn tỉnh.

Ngày 12/02/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 282/QĐ-TTg về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030, trong đó yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh triển khai đồng bộ 06 nội dung cải cách hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, gồm: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định mục tiêu đến năm 2030 quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu ở mức cao.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 xây dựng Phú Thọ trở thành một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô và vùng Trung du, miền núi phía Bắc; trong đó nhấn mạnh một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là tập trung cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp; hoàn thiện cơ

chế, chính sách để tháo gỡ các “điểm nghẽn”, giải phóng nguồn lực; xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, bình đẳng; và xác định một trong ba khâu đột phá là “Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính”.

Thực tiễn quản lý, điều hành của tỉnh sau hợp nhất cho thấy nhiều nhiệm vụ lớn về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, vị trí việc làm, cải cách thủ tục hành chính, đánh giá công chức theo kết quả đầu ra, phát triển chính quyền số và nâng cao chất lượng phục vụ đang được triển khai đồng thời, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, việc xây dựng Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030” là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Trung ương và của tỉnh, tạo cơ sở thống nhất để lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, phối hợp, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính trong giai đoạn mới.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

1.1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nhiệm kỳ 2026 - 2030.

1.2. Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tích cực triển khai, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

1.3. Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

1.4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

1.5. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

1.6. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 31/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình số 01-CTr/TU ngày 31/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.7. Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 06/4/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW.

1.8. Kết luận số 248-KL/TU ngày 18/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương xây dựng Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030.

1.9. Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 06/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030.

1.10. Kế hoạch số 10428/KH-UBND ngày 01/12/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Cơ sở pháp lý

2.1. Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ.

2.2. Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

2.3. Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

2.4. Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích:

- Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ và đồng bộ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, thành nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

- Xây dựng nền hành chính tỉnh Phú Thọ dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, công khai, minh bạch, kỷ cương, liêm chính, phục vụ Nhân dân; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng và hiệu quả thực chất làm thước đo.

- Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng chính quyền số; qua đó giải phóng nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng phục vụ trên địa bàn tỉnh.

b) Yêu cầu:

- Bảo đảm bám sát quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy; phù hợp điều kiện thực tiễn, yêu cầu phát triển và năng lực tổ chức thực hiện của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ kết quả; bảo đảm khả thi, đo lường được, kiểm tra được và đánh giá được. Các ngành, các cấp

phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ tỉnh đến cơ sở.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải thực chất, hiệu quả; gắn chặt giữa cải cách hành chính với chuyển đổi số, phân cấp, phân quyền, sắp xếp bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khắc phục tình trạng hình thức, cục bộ, manh mún, né tránh trách nhiệm.

2. Đối tượng

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Phạm vi của Đề án

Đề án tập trung vào 07 nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Trong đó, cải cách thủ tục hành chính là trọng tâm, xuyên suốt, gắn với chuyển đổi số, dữ liệu số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Thời gian thực hiện Đề án

Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030 có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, do đó cần được triển khai theo các giai đoạn cụ thể.

a) Giai đoạn 1: Năm 2026 đến hết năm 2027

Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2027; tổ chức đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

b) Giai đoạn 2: Năm 2028 đến hết năm 2030

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2028 - 2030; Tổ chức đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Năm 2028 sơ kết giữa kỳ; năm 2030 tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả triển khai thực hiện Đề án.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Trước sáp nhập

Trong những năm qua, công tác cải cách hành chính đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, duy trì sự phát triển của đất nước, qua đó hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác cải cách hành chính trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, trước sáp nhập, Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ nhiệm kỳ 2020 - 2025 đều xác định nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, trong những năm qua, công tác cải cách hành chính luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ quan tâm chỉ đạo, triển khai kịp thời, đồng bộ. Các tỉnh đã chủ động nghiên cứu và ban hành theo thẩm quyền nhiều chỉ thị, quyết định, đề án, kế hoạch và văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo yêu cầu của Chính phủ.

Các tỉnh (Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ) đã quan tâm bố trí nguồn lực phục vụ cho công tác cải cách hành chính cụ thể:

(1) Quan tâm bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính như: Máy tính, máy in, máy scan, hệ thống mạng... Quan tâm đầu tư, cơ sở vật chất cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Do đó, cơ bản đáp ứng yêu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính và cán bộ, công chức, viên chức trực và giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

(2) Quan tâm bố trí cán bộ, công chức đảm nhiệm công tác cải cách hành chính: Đối với cấp tỉnh, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo công tác cải cách hành chính. Sở Nội vụ - cơ quan thường trực, tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính - đã bố trí 01 lãnh đạo sở phụ trách và từ 04 đến 05 công chức chuyên trách. Các sở, ban, ngành bố trí 01 lãnh đạo phụ trách và từ 01 đến 02 công chức phụ trách công tác cải cách hành chính. Đối với UBND cấp huyện, mỗi đơn vị bố trí 01 lãnh đạo phụ trách và từ 01 đến 02 công chức phụ trách. Đối với UBND cấp xã, mỗi đơn vị bố trí 01 lãnh đạo phụ trách và 01 công chức phụ trách công tác cải cách hành chính. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm công tác cải cách hành chính, công chức trực và giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp đạt trình độ đại học trở lên.

(3) Quan tâm bố trí kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính. Từ năm 2021 đến nay, UBND các tỉnh đã quan tâm chỉ đạo cấp kinh phí nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Từ đó, công tác cải cách hành chính của 03 tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ trước hợp nhất đã đạt nhiều kết quả tích cực trên các nội dung: (1) Công tác xây dựng, rà soát, ban hành, kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp

luật được thực hiện đúng quy trình, quy định; (2) Thủ tục hành chính được đơn giản hóa, công khai, rút ngắn thời gian giải quyết; nguồn lực phục vụ công tác cải cách hành chính được quan tâm; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường; tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp đi vào nề nếp, hiệu quả; nhiều mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được Trung ương ghi nhận, đánh giá cao; (3) Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy được chủ động rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp thực tiễn; (4) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu, số lượng hợp lý theo vị trí việc làm đã được phê duyệt, có trình độ, năng lực thi hành công vụ; công tác thanh tra, kiểm tra công vụ định kỳ, đột xuất được tăng cường; tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ được nâng lên rõ rệt; (5) Cải cách tài chính công đạt kết quả tích cực; các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công được ban hành đầy đủ, kịp thời; việc giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập ngày càng được đẩy mạnh; (6) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, mang lại hiệu quả thiết thực; kỹ năng, kiến thức công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng cao; người dân, doanh nghiệp bước đầu được hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, khai thác thông tin qua các kênh truyền thông. Qua đó, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giao dịch hành chính với cơ quan nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Do vậy, mức độ xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của 03 tỉnh (Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ) đã được trung ương ghi nhận và đánh giá cao.

2. Sau sáp nhập

Với khối lượng công việc rất lớn, ngay sau khi sáp nhập Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung theo các quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh; Đặt nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ đột phá góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Do vậy, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên các lĩnh vực nội dung: (1) Về công tác tham mưu chỉ đạo điều hành: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, chỉ đạo điều hành về công tác cải cách hành chính cụ thể 02 Chỉ thị; 03 Quyết định; 07 Kế hoạch... với mục tiêu triển khai đồng bộ, hiệu quả theo sự chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh mới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025. Theo Kế hoạch số 923/KH-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Phú Thọ 6 tháng cuối năm 2025, trong đó đã xác định 58 nhiệm vụ, đến hết năm 2025 đã thực hiện hoàn thành 58/58 nhiệm vụ (đạt 100% so với Kế hoạch). (2) Về cải cách thể chế: Tỉnh chỉ đạo rà soát ban hành mới và thay thế toàn bộ hệ thống Văn bản QPPL của ba tỉnh (Vĩnh

Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ) cũ với mục tiêu đảm bảo hệ thống pháp luật của tỉnh mới được thống nhất, đồng bộ, khả thi, hiệu lực và hiệu quả (theo quy định của Trung ương tháng 3/2027 hoàn thành). Đến nay, tỉnh đã hoàn thành gần đạt 100% nhiệm vụ so với kế hoạch đã đề ra cụ thể: Đã bãi bỏ 51 Nghị quyết của HĐND (thông qua 2 Nghị quyết bãi bỏ); ban hành 287 văn bản QPPL trong đó cấp tỉnh là 234 văn bản (Nghị quyết 88 văn bản, Quyết định 146 văn bản); Cấp xã 53 văn bản.

(3) Về cải cách thủ tục hành chính: Tỉnh đã ban hành 05 Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa 74 TTHC thuộc 04 lĩnh vực, qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân trong quá trình giao dịch thủ tục hành chính; Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh trong năm 2025 đạt 87,03%. Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trong năm 2025, tỉnh Phú Thọ đạt 90,06 điểm, xếp thứ 16/34 tỉnh, thành trong cả nước.

(4) Về cải cách tổ chức bộ máy: Việc sắp xếp tổ chức bộ máy từ tỉnh đến xã được kịp thời thực hiện theo đúng quy định Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

(5) Về cải cách chế độ công vụ: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tăng cường, điều động, biệt phái cho cấp xã 627 người đạt 155% so với yêu cầu kế hoạch đặt ra và đã đáp ứng ngay yêu cầu bổ sung nhân lực cho các ngành còn thiếu như Tài chính - Kế hoạch, Công nghệ thông tin, Quản lý đất đai, Xây dựng - Giao thông, Y tế, Giáo dục và đào tạo để đảm bảo hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả; Tỉnh Phú Thọ đã hoàn thành cập nhật dữ liệu và đồng bộ 88.921 (đạt 100%) hồ sơ cán bộ CBCCVC và người lao động tại 192 cơ quan, đơn vị, địa phương với CSDLQG về CBCCVC; kịp thời giải quyết chế độ nghỉ việc theo Nghị định của Chính phủ.

(6) Về cải cách tài chính công: Đã đạt được những kết quả tích cực; tỉnh đã kịp thời ban hành các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản công; thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước; Việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ngày càng được đẩy mạnh.

(7) Về xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số: Phú Thọ nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao có hạn ở thời điểm hiện tại và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước trong đó: Tỉnh Phú Thọ là địa phương có kết quả nằm trong Top 1 cả nước, trong đó khối Đảng hoàn thành 2.696/2.696 tiêu chí (đạt 100%); Khối HĐND hoàn thành 2.538/2.538 tiêu chí (đạt 100%); Khối UBND hoàn thành 5.064/5.064 tiêu chí (đạt 100%); Khối Mặt trận Tổ quốc hoàn thành 3.435/3.435 tiêu chí (đạt 100%). Cấp xã: Tính đến thời điểm hiện tại có 148/148 xã, phường đạt trạng thái Xanh giai đoạn 2.

(Có Phụ biểu 01 thống kê kết quả công tác cải cách hành chính sau sáp nhập)

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Hiệu quả cải cách hành chính chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển mới của tỉnh; một số khâu cải cách còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa tạo được đột phá rõ nét; kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và

hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của 03 tỉnh trước hợp nhất chưa đồng đều, chưa thật sự bền vững¹...

2. Cải cách thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực chưa thực sự là động lực thúc đẩy phát triển; vẫn còn thủ tục rườm rà, chồng chéo, hồ sơ chậm hạn, nhất là ở các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng; tình trạng người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần vẫn chưa được khắc phục triệt để.

3. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và mức độ chủ động của người dân, doanh nghiệp trong nộp hồ sơ trực tuyến còn thấp; kết quả số hóa hồ sơ chưa đi liền với mức độ khai thác, tái sử dụng dữ liệu có hiệu quả.

4. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số và trang thiết bị ở một số cơ quan, đơn vị chưa được đầu tư đồng bộ; khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế; chất lượng dịch vụ viễn thông ở một số khu vực còn chưa đồng đều.

5. Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm; chất lượng, hiệu quả hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp chưa cao; định mức khoán chi hành chính còn thấp.

6. Trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được phát huy đầy đủ; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn chậm đổi mới, thiếu chủ động, sáng tạo, kỹ năng số và năng lực thực thi công vụ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận cải cách hành chính, nhất là dịch vụ công trực tuyến, còn chưa thật sự hiệu quả; chưa phát huy mạnh vai trò giám sát, phản biện xã hội và sự tham gia của Nhân dân.

III. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Khối lượng công việc lớn trong bối cảnh hợp nhất tỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian ngắn tạo áp lực rất lớn đối với hệ thống hành chính các cấp.

¹ Tỉnh Phú Thọ (cũ): Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2024 xếp thứ 11/63 tỉnh, thành; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 xếp thứ 18/63 tỉnh, thành; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 xếp thứ 8/63 tỉnh, thành; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2024 xếp thứ 18/63 tỉnh, thành.

Tỉnh Vĩnh Phúc (cũ): Chỉ số PAR INDEX năm 2024 xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 xếp thứ 25/63 tỉnh, thành; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2024 (không đánh giá).

Tỉnh Hòa Bình (cũ): Chỉ số PAR INDEX năm 2024 xếp thứ 37/63 địa phương; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 xếp thứ 25/63 tỉnh, thành; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 xếp thứ 60/63 tỉnh, thành; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2024 xếp thứ 32/63 tỉnh, thành.

Tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập: Chỉ số PAR INDEX năm 2025 xếp thứ 15/34 địa phương; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 xếp thứ 21/34 tỉnh, thành; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 xếp thứ 5/34 tỉnh, thành; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2025 Trung ương không đánh giá.

- Nhu cầu và thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp chưa cao; khoảng cách về kỹ năng số, điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các vùng, nhóm đối tượng còn khác nhau.

- Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của một số bộ, ngành Trung ương còn hạn chế trong chia sẻ, liên thông với địa phương; việc huy động nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực hành chính nhà nước gặp khó khăn.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc ở một số nơi chưa quyết liệt; có lúc, có việc còn thiếu tập trung, thiếu chiều sâu, chưa bám sát các khâu yếu, việc khó, lĩnh vực bức xúc.

- Cơ chế phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính liên thông chưa hiệu quả; việc phân cấp, phân quyền và quy trách nhiệm chưa thật sự rõ, đồng bộ.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực tham mưu, năng lực số, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp và tinh thần phục vụ; việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương có nơi chưa thường xuyên.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu; chưa tạo được chuyển biến mạnh về nhận thức, kỹ năng và hành vi sử dụng dịch vụ hành chính công trên môi trường số.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. QUAN ĐIỂM

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính phải được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị; là động lực quan trọng để giải phóng nguồn lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, củng cố niềm tin của Nhân dân và tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Từ đó, thực sự trở thành động lực trung tâm của tăng trưởng kinh tế, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tạo nền tảng cho tiếp tục tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026-2030; tạo tiền đề đến năm 2045 Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, phải được triển khai đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị. Quá trình tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; thiết lập cơ chế phối hợp liên thông, thường xuyên, thực chất giữa khối Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, vận động Nhân dân tham gia cải cách hành chính và kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ.

3. Cải cách hành chính phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy sự hài lòng, mức độ thuận tiện, chi phí tuân thủ và hiệu quả thực chất làm thước đo; lấy kết quả, sản phẩm cụ thể và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu làm căn cứ đánh giá; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hoạt động thông suốt, không phụ thuộc địa giới hành chính.

4. Tổ chức thực hiện Đề án phải theo phương châm hành động rõ mục tiêu, rõ lộ trình, rõ trách nhiệm, rõ nguồn lực, rõ kết quả; gắn chặt giữa xây dựng thể chế với tổ chức thực thi, giữa số hóa với đơn giản hóa, giữa phân cấp, phân quyền với kiểm tra, giám sát.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân trên cơ sở quán triệt đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn 2026 - 2030.

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, trọng tâm là giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

- Năm 2026, hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, ổn định, khả thi cho bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở hoạt động thông suốt, liên tục, nghiêm minh và hiệu quả (***Hoàn thành trước 01 năm so với kế hoạch của Chính phủ***).

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn ở cấp tỉnh và cấp xã hàng năm bình quân đạt trên 95% (***kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn năm 2025: cấp tỉnh đạt 85%, cấp xã đạt 98%***).

- Đến năm 2027, tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đến năm 2029, mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90% (***Hoàn thành trước 1 năm so với kế hoạch của Chính phủ***).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Đến năm 2027, hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

- Đến năm 2029, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90% (***Hoàn thành trước 1 năm so với kế hoạch của Chính phủ***).

- Đến năm 2030, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế 5% - 10% so với năm 2026.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

- Đột phá, đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức, viên chức gắn với kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ được giao theo KPI.

- Từ năm 2026, các cơ quan, tổ chức, địa phương giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước; Giảm 10% số lượng hội nghị hằng năm.

- Đến năm 2029, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc.

2.5. Cải cách tài chính công

- Đến năm 2030, Thực hiện cơ chế chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm kịp thời, đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước; Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

2.6. Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số

- Đến năm 2027, mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 3; Đến năm 2029, mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 4 (***Hoàn thành trước 01 năm theo kế hoạch của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030***).

- Đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đến năm 2027, 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; đến năm 2030, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 90% (***Tăng 10% so kế hoạch của Chính phủ, tối thiểu 80%***).

- Đến năm 2030, 100% toàn bộ dữ liệu đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư, kinh doanh được số hóa; triển khai “luồng xanh” thủ tục hành chính đối với một số thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai.

- Đến năm 2030, 100% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

- Đến năm 2030, 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan.

- Đến năm 2030, xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân tộc, tôn giáo; văn hóa, thể thao và du lịch; y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, liên thông, dùng chung được, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, hoạch định chính sách và giám sát chất lượng phục vụ.

2.7. Công tác chỉ đạo điều hành

Phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Phấn đấu duy trì thứ hạng đã đạt được năm 2025 (thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước).

- Phấn đấu hằng năm đạt 25% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra cải cách hành chính, công vụ (**Bộ Nội vụ quy định là 20%, vượt 5% theo quy định của Bộ Nội vụ**).

- Phấn đấu hằng năm có từ 3-5 sáng kiến đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận (**Theo quy định của Bộ Nội vụ có 03 sáng kiến**).

2.8. Chỉ tiêu đặc thù phục vụ mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2045

Đến năm 2030: **(1)** 100% dữ liệu quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, cấp thoát nước, môi trường, nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và các không gian phát triển trọng điểm được số hóa, chuẩn hóa, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên trên nền tảng dữ liệu không gian/GIS và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. **(2)** 100% thủ tục hành chính liên quan đến phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng, cấp phép xây dựng, đất đai, môi trường, nhà ở xã hội, đăng ký kinh doanh và các dự án động lực được quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ trên môi trường số; phấn đấu tối thiểu 90% hồ sơ đủ điều kiện được xử lý theo quy trình điện tử liên thông, hạn chế tối đa yêu cầu nộp lại giấy tờ đã được số hóa. **(3)** các xã, phường phấn đấu xây dựng, vận hành mô hình kinh tế mới, hoặc mô hình kinh tế đặc thù gắn với đổi mới quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công số, phù hợp lợi thế từng địa bàn như kinh tế số nông thôn, thương mại điện tử, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - tâm linh, kinh tế đêm, logistics, dịch vụ đô thị thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP, y tế và giáo dục chất lượng cao.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Nhiệm vụ

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính; có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất theo mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông khối Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát và phản biện về cải cách hành chính.

- Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

- Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, công vụ qua đó góp phần nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính trách nhiệm giải trình và phòng chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

- Đẩy mạnh việc đổi mới, sáng tạo trong CCHC; tập trung triển khai, nhân rộng những mô hình, sáng kiến có hiệu quả trong cải cách thủ tục hành chính.

- Tổ chức đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp ít nhất 01 lần/Quý nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

1.2. Cải cách thể chế

- Ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch giai đoạn và hàng năm; xử lý các vấn đề phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Thực hiện nghiêm trình tự, xây dựng và ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, đối thoại, tiếp nhận và lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương. Vận hành hiệu quả hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Đẩy mạnh thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu:

- + Tiếp tục rà soát, kiến nghị, đề xuất cắt bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các

thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

+ Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định của Chính phủ:

+ Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

+ Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Triển khai và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

+ Rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, thông suốt, hiệu quả, không phụ thuộc địa giới hành chính.

+ Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo 100% hồ sơ được cấp kết quả điện tử để người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp thuận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó.

1.4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục thực hiện việc giảm đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Đối với các đơn vị sự nghiệp khác phải thực hiện tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tối thiểu chi thường xuyên trở lên được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà

nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tập trung đầu tư phát triển đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập quan trọng có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, ngành công nghệ chiến lược.

- Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đơn vị và khoa phòng thuộc đơn vị sự nghiệp y tế có chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng phục vụ tương đồng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

- Xây dựng kế hoạch biên chế, kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; tổ chức thực hiện theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030 cụ thể: Đánh giá, mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với các dịch vụ hành chính công do các cơ quan quản lý nhà nước về y tế cung cấp; đánh giá mức độ hài lòng của người dân với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập; đánh giá mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức điều tra xã hội học lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân về lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030.

1.5. Cải cách chế độ công vụ

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Triển khai, thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức; Xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại tổ chức và công chức theo quy định; Xây dựng phần mềm theo dõi, đánh giá công chức và kết nối, liên thông với phần mềm điều hành, quản lý văn bản và giao nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị để đồng bộ đầy đủ dữ liệu phục vụ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng công chức.

- Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm bảo đảm theo quy định hiện hành; đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức theo hướng chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

- Ban hành và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp tỉnh, cấp xã; Kế hoạch và tổ chức xét tuyển công chức hành chính cấp tỉnh, cấp xã đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ nhằm đảm bảo bố trí đủ biên chế, nguồn nhân lực, cán bộ công chức có chuyên môn, nghiệp vụ theo các lĩnh vực.

- Thực hiện bố trí, sắp xếp, điều động, tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh theo chỉ đạo tại các văn bản của Trung ương và của tỉnh.

- Thực hiện giải quyết tốt các chế độ chính sách đối với CBCCVC chịu tác động trực tiếp trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy nhằm đảm bảo sự ổn định cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.6. Cải cách tài chính công

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

1.7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội như: tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng... bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Tổ chức, triển khai ứng dụng diện rộng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, giáo dục và đào tạo; bảo tồn và phát huy giá trị các sản phẩm văn hóa - du lịch, gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển hạ tầng du lịch thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân; nghiên cứu, đầu tư xây dựng Trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.

- Ưu tiên xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản trị phát triển và cung cấp dịch vụ công, gồm: cơ sở dữ liệu dân tộc, tôn giáo gắn với an sinh xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cơ sở dữ liệu văn hóa, thể thao và du lịch gắn với di sản, lễ hội, điểm đến, thiết chế văn hóa, hoạt động thể thao, du lịch thông minh; cơ sở dữ liệu y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử gắn với bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, tiêm chủng và quản lý sức khỏe cộng đồng.

- Phát triển hạ tầng số: Hợp nhất hạ tầng thông tin tỉnh tập trung, hiện đại; nâng cấp Trung tâm dữ liệu số của tỉnh, nghiên cứu ứng dụng nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo; Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh.

- Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối với IOC quốc gia, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cấp và vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ số, Khung kiến trúc Chính quyền số 4.0 của tỉnh, đáp ứng yêu cầu liên thông, đồng bộ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong toàn tỉnh; đồng thời kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của các bộ, ngành.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành và triển khai ứng dụng, dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai, hoàn thiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

1.8. Xây dựng các mô hình kinh tế gắn với lợi thế của từng địa phương

- Rà soát lợi thế từng xã, phường để lựa chọn mô hình kinh tế mới, mô hình kinh tế đặc thù phù hợp không gian phát triển của tỉnh, Quy hoạch tỉnh và mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; ưu tiên các mô hình có khả năng tạo việc làm, tăng thu ngân sách, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cơ sở.

- Gắn triển khai mô hình kinh tế mới với phát triển dữ liệu địa phương, bản đồ số, mã địa chỉ số, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, thương mại điện tử, du lịch thông minh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ công trực tuyến và cơ chế phản hồi của người dân, doanh nghiệp; đánh giá và nhân rộng các mô hình kinh tế mới hiệu quả.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Đề án)

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo, nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, có ý nghĩa chiến lược lâu dài và yêu cầu cấp bách trước mắt.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng khoa học, chiến lược, hành động, hiệu quả; chuyển từ tư duy “quản lý hành chính” sang

“quản trị phát triển”, từ “giải quyết công việc” sang “phục vụ Nhân dân, đồng hành cùng doanh nghiệp”.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; lấy kết quả cải cách hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể, cá nhân.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí, công cụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kịp thời chấn chỉnh nơi làm chưa tốt, xử lý nghiêm các hành vi né tránh, đùn đẩy, trì trệ, nhũng nhiễu, gây phiền hà.

2.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý cho tổ chức thực hiện

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, ổn định và sát thực tiễn.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm mọi quy định được ban hành có cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn vững chắc; không làm phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ, chi phí tuân thủ không cần thiết.

- Chủ động phát hiện, tháo gỡ hoặc kiến nghị tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài nguyên, môi trường, tài chính, ngân sách.

- Hoàn thiện thể chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo hướng mạnh hơn, rõ hơn, thực chất hơn, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

2.3. Tạo đột phá thực chất, toàn diện trong cải cách thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thực chất thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, quy trình nội bộ, thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ trên tất cả các lĩnh vực; tập trung vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và môi trường đầu tư, kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới thủ tục hành chính; bảo đảm thủ tục hành chính mới chỉ được quy định trong trường hợp thật sự cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ số hóa và có chi phí tuân thủ thấp.

- Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính các cấp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, văn minh, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm công khai, minh bạch toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính; tăng cường tiếp nhận, xử lý, phản hồi phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; coi đây là kênh quan trọng để hoàn thiện thể chế, quy trình và chấn chỉnh công vụ.

- Nghiên cứu, thí điểm và từng bước mở rộng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý số, tổng đài thông minh, công cụ phân tích dữ liệu trong hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, cảnh báo nguy cơ chậm hạn, hỗ trợ cán bộ xử lý nghiệp vụ và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm giải trình của cơ quan, cán bộ, công chức.

- Nghiên cứu, triển khai cơ chế ưu tiên, “luồng xanh” trong giải quyết một số thủ tục hành chính liên quan đến dự án trọng điểm, nhà đầu tư chiến lược, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cấp bách, bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, chặt chẽ.

- Sắp xếp và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp tốt, có trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ tại các vị trí trực tiếp hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

2.4. Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, vận hành thông suốt

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, liên thông, hiệu quả; không bỏ sót nhiệm vụ, không chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

- Gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công; ưu tiên duy trì, phát triển các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ thiết yếu, phục vụ dân sinh.

- Tổ chức khảo sát, điều tra, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế, giáo dục công lập và chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước làm cơ sở điều chỉnh chính sách, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực.

2.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, có năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, năng lực số, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với môi trường quản trị hiện đại.

- Đổi mới đồng bộ công tác tuyển dụng, sử dụng, bố trí, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm theo vị trí việc làm, theo năng lực thực tiễn, theo sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 335/2025/NĐ-CP; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cơ quan hành chính nhà nước và công chức gắn với

KPI, tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc, thái độ phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; ứng dụng phần mềm theo dõi, đánh giá công chức, bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở; kiên quyết chấn chỉnh, xử lý nghiêm các biểu hiện né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc, trì trệ, thiếu hợp tác, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời có cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp thông qua tổ công nghệ số cộng đồng, hệ thống truyền thanh cơ sở, nền tảng số... trong đó chú trọng hỗ trợ người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, nhóm yếu thế tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, sức khỏe điện tử và các tiện ích số thiết yếu.

- Đổi mới mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở, cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, cán bộ làm công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, dữ liệu số; chú trọng năng lực số, kỹ năng giao tiếp hành chính, kỹ năng phối hợp liên thông và xử lý tình huống phát sinh.

2.6. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công, ưu tiên nguồn lực cho cải cách hành chính

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm đầu ra cụ thể; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ then chốt của cải cách hành chính, nhất là hiện đại hóa hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung, đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật; đẩy mạnh khoán chi, giao quyền tự chủ gắn với tăng cường giám sát, kiểm tra, kiểm toán và trách nhiệm giải trình.

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp yêu cầu quản lý và thực tiễn của tỉnh.

- Nghiên cứu cơ chế phù hợp để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội cho một số hạ tầng, dịch vụ, tiện ích hỗ trợ cải cách hành chính và chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật.

2.7. Đẩy nhanh xây dựng chính quyền số, hành chính số, dữ liệu số, lấy chuyển đổi số làm phương thức đột phá

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước; xây dựng nền hành chính số vận hành đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Tập trung xây dựng, chuẩn hóa, số hóa, làm giàu, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh, nhất là dữ liệu về đất đai, quy hoạch, dân cư, doanh nghiệp, đầu tư, tài chính, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, tư pháp và các lĩnh vực chuyên ngành khác; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, dùng chung được.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, phần mềm nghiệp vụ, hệ thống giám sát, phân tích, cảnh báo; tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu; từng bước hình thành môi trường làm việc số hiện đại, thông minh, không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực chất, toàn trình, thuận tiện, dễ sử dụng; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là ở vùng khó khăn, nhóm yếu thế; thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần.

- Tổ chức triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các công nghệ số mới trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý đô thị, môi trường, giáo dục, y tế, du lịch và một số lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; xây dựng hệ thống chỉ đạo, điều hành thông minh trên nền tảng dữ liệu thời gian thực phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

2.8. Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế mới, kinh tế đặc thù

- Ưu tiên nguồn lực xây dựng mô hình kinh tế mới và mô hình kinh tế đặc thù phù hợp lợi thế từng địa phương như kinh tế số nông thôn, thương mại điện tử, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - tâm linh, kinh tế đêm, logistics, dịch vụ đô thị thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP, y tế và giáo dục chất lượng cao...

- Đẩy mạnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào xây dựng các mô hình kinh tế tại địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan về phân cấp ngân sách. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Việc quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí Đề án bảo đảm đúng quy định pháp luật, thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án trọng điểm của tỉnh để nâng cao hiệu quả và tránh trùng lặp nguồn lực.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, xây dựng kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện Đề án; xác định rõ lộ trình, sản phẩm, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; định kỳ tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án trong phạm vi quản lý.

- Về chế độ thông tin, báo cáo: Các cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ hằng năm trước ngày **10/12** báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2028 tổ chức sơ kết giữa kỳ; năm 2030 tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Đề án; đồng thời kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Đề án này là căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026 -2030 theo chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 06/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 – 2030. Qua đó góp phần xây dựng nền hành chính tỉnh Phú Thọ hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, kỷ cương, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ ngày càng tốt hơn người dân và doanh nghiệp, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả tình hình thực hiện Đề án theo quy định; Nghiên cứu, đề xuất với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện Đề án (nếu có). Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, công vụ và đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án.

- Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

- Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước do Trung ương đánh giá tỉnh.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức đảm nhiệm công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Đề án giao và Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; đo lường mức độ hài lòng của người dân, đại diện tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính.

3. Sở Tư pháp

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; quản lý công tác pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách và tham mưu xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc sử dụng và vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì rà soát, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, thí điểm ứng dụng trợ lý số, tổng đài thông minh, trí tuệ nhân tạo trong hướng dẫn, tiếp nhận, theo dõi, cảnh báo tiến độ và hỗ trợ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính.

- Chủ trì xây dựng, vận hành công cụ đo lường mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị trên môi trường số, phục vụ đánh giá chất lượng phục vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nội dung về Cải cách tài chính công.

- Căn cứ đề nghị của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan và khả năng cân đối ngân sách tỉnh tham mưu đề xuất UBND tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính

tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

- Tham mưu kịp thời với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; tham mưu nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phối hợp theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo, định hướng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, phát huy những sáng kiến thiết thực, hiệu quả trong cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tích hợp TCVN ISO 18091:2020 trên môi trường điện tử vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Chủ trì tham mưu danh mục, kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chế quản trị, chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung của tỉnh; hướng dẫn chuẩn hóa, kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, dùng chung được.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan nghiên cứu, thí điểm, đánh giá và nhân rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý số, bảng điều khiển số trong quản lý, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan xây dựng, cập nhật, khai thác dữ liệu không gian/GIS, dữ liệu quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị, đô thị thông minh phục vụ quản trị phát triển và mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Thanh tra tỉnh

Chủ trì, xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác phòng chống tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực thi công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, việc khai thác, sử dụng dữ liệu số và việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, chậm trễ, yêu cầu thêm hồ sơ ngoài quy định.

8. Sở Y tế

- Chủ trì, tổ chức điều tra xã hội học lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng, sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công về y tế giai đoạn 2026 - 2030.

- Chủ trì xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, sổ sức khỏe điện tử gắn với bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, tiêm chủng và quản lý sức khỏe cộng đồng; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và đo lường sự hài lòng của người dân.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, tổ chức điều tra xã hội học lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng, sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính giai đoạn và hằng năm trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý. Chủ trì triển khai nội dung tuyên truyền trên hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và hệ thống truyền thanh cơ sở; Phối hợp lan tỏa các mô hình, cách làm hiệu quả, gương điển hình trong thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ trì xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở văn hóa, thể thao và du lịch; Thực hiện trên cơ sở kế thừa dữ liệu hiện có, tuân thủ kiến trúc dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; phục vụ quảng bá, xúc tiến, phát triển mô hình kinh tế du lịch, kinh tế đêm, du lịch cộng đồng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực quản lý.

11. Công an tỉnh

- Chủ trì triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế và các cơ quan liên quan kết nối, khai thác dữ liệu dân cư, định danh, xác thực điện tử, dữ liệu y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

12. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan số hóa, chuẩn hóa, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở, cấp phép xây dựng, phát triển đô

thị thông minh; phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đô thị và mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

13. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu dân tộc, tôn giáo gắn với an sinh xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phục vụ quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích số.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện cải cách hành chính; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai cải cách hành chính gắn với phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trân trọng đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm xem xét, quyết định theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách về thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới./.